

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 408/2026/DS-PT
Ngày 10 tháng 6 năm 2026
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán:

Ông Lê Phan Công Trí

Ông Phùng Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 451/2025/TLPT-DS ngày 5 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956, địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1951. Địa chỉ: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 29/01/2026). (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M (M5), sinh năm 1956, địa chỉ: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Văn Ú, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp L, xã K, tỉnh Cà Mau (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/01/2026). (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1995, địa chỉ cư trú: Số A, T, phường L, tỉnh Cà Mau.

2. Anh Nguyễn Tấn T2; sinh năm 1990, địa chỉ cư trú: Số A, T, phường L,

tỉnh Cà Mau.

3. Bà Đinh Thị X; sinh năm 1967, địa chỉ cư trú: Số A, T, phường L, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Tấn T1, bà Đinh Thị X: Anh Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A, T, phường L, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Tấn T2: Luật sư Huỳnh Công D – Văn phòng luật sư Huỳnh Công D thuộc đoàn luật sư tỉnh C. (Vắng mặt)

4. Bà Phạm Mỹ L, sinh năm 1959, địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Mỹ L: Ông Lê Văn Ú, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp L, xã K, tỉnh Cà Mau (Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 27/01/2026). (Có mặt)

5. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1951 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D1:

5.1 Anh Nguyễn Trung K (Vắng mặt)

5.2 Anh Nguyễn Trung K1, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

5.3 Anh Nguyễn Văn H1 (Vắng mặt)

5.4 Anh Nguyễn Chí T3 (Vắng mặt)

5.5 Anh Nguyễn Thanh T4 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Đường T, khóm E, phường L, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1971 (chết)

Địa chỉ cư trú: số A, Trương Phùng X1, khóm E, phường L, tỉnh Cà Mau.

7. Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1974, địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

8. Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1959, địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Á: Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1961, địa chỉ: Khóm A, xã T, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

9. Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1947, địa chỉ: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

10. Ông Lê Văn C, sinh năm 1974, địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn C: Ông Lê Văn T, sinh năm 1951, địa chỉ: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau (Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 03/02/2026). (Có mặt)

11. Ông Huỳnh Văn C1, sinh năm 1970, địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

12. Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1952, địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh

Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng Đ: Ông Trần Văn Ú1, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp L, xã K, tỉnh Cà Mau (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 20/5/2026). (Có mặt)

13. Bà Nguyễn Thị N, địa chỉ cư trú: ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

14. Chị Nguyễn Thị N1, địa chỉ cư trú: ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

15. Chị Nguyễn Thị P, địa chỉ cư trú: ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

16. Bà Nguyễn Tuyết N2; sinh năm 1973, Địa chỉ cư trú: Đường A; phường T, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

17. Chị Nguyễn Kim T5 (T6), sinh năm 1991, địa chỉ cư trú: Đường A, Phường T, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

18. Chị Nguyễn Kim N3, địa chỉ cư trú: đường A, phường T, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

19. Bà Dương Thị M2, sinh năm 1969 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M2: Anh Nguyễn Trung N4, sinh năm 2000 và chị Nguyễn Thị Bé T7, sinh năm 2001. (Vắng mặt)

20. Anh Nguyễn Trung N4, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

21. Chị Nguyễn Thị Bé T7, sinh năm 2001 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường H, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

22. Anh Nguyễn Nhựt Đ1 (Vắng mặt)

23. Chị Lê Kim P1 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau;

24. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1945, địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

25. Ông Huỳnh Văn N5, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau (đã chết ngày 01/12/2025)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N5: Bà Nguyễn Kim V, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

26. Ông Huỳnh Văn C2, sinh năm 1972

27. Ông Huỳnh Văn C3, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau;

28. Bà Huỳnh Thị D2, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền của anh bà Lê Thị H2, bà Nguyễn Kim V, ông Huỳnh Văn C2, ông Huỳnh Văn C3, bà Huỳnh Thị D2: Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1961; Địa chỉ: Khóm A, xã T, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

29. Bà Châu Bích T8, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

30. Anh Lê Chí T9, sinh năm 2004 (Vắng mặt)

31. Chị Nguyễn Thị L3, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

32. Anh Hồ Văn H3, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

33. Bà Lê Thị G, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

34. Anh Nguyễn Văn D3, sinh năm 1987

Địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn D3: Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1961, địa chỉ: Khóm A, xã T, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

35. Bà Trần Thị T10, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Ông B, xã Khánh Bình, tỉnh Cà Mau

36. Bà Lưu Thị N6, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

37. Bà Huỳnh Thị V1, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường T, khóm E, phường L, tỉnh Cà Mau.

38. Ông Lê Văn T, sinh năm 1951, (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Tấn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Văn T trình bày:

- Cha mẹ bà H (cũng là cha mẹ vợ của ông) là cụ Nguyễn Văn L4 (chết năm 2002), mẹ cụ Phạm Thị T11 (chết năm 2001), sinh thời các cụ có mười người con cụ thể:

+ Ông Nguyễn Văn D1 (ông D1 chết năm 2025)

+ Ông Nguyễn Văn Đ2 (ông Đ2 chết năm 1977, có vợ tên C4 không biết họ tên cụ thể, địa chỉ ở, không có con chung giữa ông Đ2 và bà C4)

+ Bà Nguyễn Thị H

+ Ông Nguyễn Chí T12 (ông T12 chết khi còn nhỏ lúc 03 tuổi)

+ Ông Nguyễn Văn T13 (ông T13 chết năm 2008, có vợ Đinh Thị X, con Nguyễn Tấn T2, Nguyễn Tấn T1)

+ Ông Nguyễn Văn M

+ Ông Nguyễn Văn T14 (ông T14 chết năm 2018, có 02 người vợ, một là Nguyễn Thị N, bà N và ông T14 có 02 người con là Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị P cùng địa chỉ ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau; người vợ thứ hai là Nguyễn Thị M3, ông

T14 và bà M3 có hai người con tên Nguyễn Trung N7, Nguyễn Thị Bé T7, giữa bà M3 ông T14 đã ly hôn)

+ Ông Nguyễn Văn T15 (ông T15 chết năm 2017 có vợ Nguyễn Tuyết N2, con Nguyễn Kim T5, Nguyễn Kim N3)

+ Ông Nguyễn Văn L1 (ông L1 chết năm 2023, không vợ con)

+ Ông Nguyễn Văn L2.

Khi còn sống cụ L4, cụ T11 có tạo lập tài sản là phần đất tại ấp Ông B, xã K, tỉnh Cà Mau gồm các thửa 395, 388, 406 tờ bản đồ số 3 tổng diện tích 43.270m² do cụ Nguyễn Văn L4 đứng tên quyền sử dụng đất ngày 12/4/2002 và thửa đất lá ven sông diện tích khoảng 10 công tầm lớn không biết có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa thì ông không biết, hiện tại do vợ con ông T13 là bà Đinh Thị X, Nguyễn Tấn T1, Nguyễn Tấn T2 đang quản lý, sử dụng.

Khi còn sống cụ T11 và cụ L4 có cho đất các con như sau:

Cho ông Nguyễn Văn D1 02 công đất ruộng, cho bà Nguyễn Thị H 02 công ruộng, cho ông Nguyễn Văn M 02 công ruộng và 02 công đất vườn, cho ông Nguyễn Văn T13 02 công đất ruộng và 01 công đất vườn để cất nhà ở, cho ông Nguyễn Trung T16 03 công đất ruộng, sau đó cho thêm ông T16 02 công đất ruộng tổng cộng 05 công, cho ông Nguyễn Văn T15 02 công đất ruộng, 01 công đất vườn làm nhà ở, cho ông Nguyễn Văn L2 02 công đất ruộng; cho ông Nguyễn Văn L1 02 công đất ruộng.

Trước đây cụ T11 và cụ L4 sống ly thân hơn 20 năm đến khi các cụ chết, do ông Nguyễn Văn T13 nuôi mẹ là cụ T11 nên sau khi cụ T11 và cụ L4 chết thì anh em có họp gia đình (không lập biên bản) cho thêm phần đất của cụ T11 cho ông T13 1,5 công tầm lớn, cho thêm ông T15 diện tích 1,5 công tầm lớn do ông T15 nuôi cha (cụ L4).

Ngày 18/12/2008 anh em bà H có họp gia đình (có lập biên bản) để thống nhất chuyển tên quyền sử dụng đất cụ L4 đứng tên (toàn bộ diện tích 43.270m²) và 10 công đất trồng lá ven sông qua cho ông Nguyễn Văn T15 đứng tên để cất đất ra phân chia đất cho các anh em của ông T15 nhưng sau đó không thực hiện được, hiện tại cụ L4 vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 43.270m².

Phần đất anh em được cha mẹ cho theo di chúc thì các anh em đã chuyển nhượng lại cho người khác, các anh em trong gia đình đều biết và thống nhất. Phần đất của ông Nguyễn Văn L1 được cha mẹ tặng cho thì bà X, anh T2, anh T1 chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn C1 diện tích 2.592m², còn lại diện tích đất cất nhà thờ khoảng hơn 2.000 m² do ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn L2 quản lý, trên diện tích đất này có nhà của ông M, ông L2.

Bà H yêu cầu chia di sản của cụ T11, cụ L4 để lại theo di chúc (Biên bản họp gia đình vi chúc lại ngày 26/11/1997), yêu cầu được công nhận cho bà H được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế tại thửa số 3 diện tích 353,2m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau. Đồng ý để cho ông L2 quản lý, trông coi khu đất mồ mã ông bà có diện tích tại thửa số 8 diện tích 253,1m² ông L2 không được ngăn cản con cháu đến thăm viếng, đối với yêu cầu của bà X, anh T2, anh T1 và yêu cầu của bà M3, chị T7, anh N4 bà H không đồng ý.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M là ông Lê Văn Ú trình bày:

Theo nguyên đơn trình bày về cha mẹ ông M, có các người con và di sản cha mẹ chết để lại là đúng. Hiện tại trên phần đất cha mẹ ông M chết để lại ông M có xây cất căn nhà kiên cố và quản lý sử dụng phần đất này từ lúc cha mẹ còn sống (hiện tại ông M và vợ ông cùng quản lý là bà Phạm Mỹ L, con Nguyễn Thị L3, Hồ Văn H3), theo di chúc thì cha mẹ tặng cho ông phần đất vườn 02 công nhưng thực tế theo đo đạc thì không đủ, ông đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn công nhận cho nguyên đơn được quản lý, sử dụng phần đất tại thửa số 3 diện tích 353,2m² và thống nhất yêu cầu của ông L2 công nhận cho ông L2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế tại thửa số 4 diện tích 346,8m² đồng ý để cho ông L2 quản lý, trông coi khu đất mồ mã ông bà có diện tích tại thửa số 8 diện tích 253,1m² ông L2 không được ngăn cản con cháu đến thăm viếng mồ mã ông bà, đối với yêu cầu của bà X, ông T2, ông T1 và yêu cầu của bà M3, chị T7, anh N4 ông M không đồng ý.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L2 là ông Lê Văn Ú trình bày:

Ông L2 cũng thống nhất về cha mẹ ông L2 có các người con và di sản cha mẹ chết để lại là đúng. Ông L2 yêu cầu được chia thừa kế phần đất cha mẹ ông chết để lại, ông L2 yêu cầu được công nhận quyền quản lý, sử dụng phần đất tại thửa số 4 diện tích 346,8m² và thống nhất quản lý, trông coi khu đất mồ mã ông bà có diện tích tại thửa số 8 diện tích 253,1m² ông L2 đồng ý không ngăn cản con cháu đến thăm viếng mồ mã ông bà đất tại ấp Ông B, xã K, tỉnh Cà Mau. Trên phần đất ông L2 yêu cầu thì ông L2 và vợ Lê Thị G có xây cất căn nhà và hiện đang quản lý, sử dụng, đối với yêu cầu của bà X, ông T2, ông T1 và yêu cầu của bà M3, chị T7, anh N4 ông L2 không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T2 cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị X, ông Nguyễn Tấn T1 trình bày:

Ông yêu cầu công nhận hiệu lực pháp luật và chia thừa kế “Biên bản họp gia đình di chúc ngày 26/11/1997” và yêu cầu công nhận phần đất mà cha anh được hưởng theo di chúc phần đất được nhận theo đo đạc thực tế thửa số 1 diện tích 962,9m², thửa số 3 diện tích 353,2m² và thửa số 4 diện tích 346,8m², thửa số 5 có diện tích 214,6m² và các phần đất mà những người được hưởng tài sản của cụ L4, cụ T11 theo di chúc đã chuyển nhượng dư phải trả lại cho gia đình ông để đủ diện tích 4.465,8m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau. Đồng ý để cho ông L2 quản lý, trông coi khu đất mồ mã ông bà có diện tích tại thửa số 8 diện tích 253,1m² ông L2 không được ngăn cản con cháu đến thăm viếng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị M2, anh Nguyễn Trung N4, chị Nguyễn Thị Bé T7 cùng trình bày:

Bà M2 là vợ của ông Nguyễn Trung T16 (ông T16 chết năm 2017). Trước khi cụ L4 chết thì cụ L4 có lập di chúc tặng cho các con trong đó có ông T16 03

công đất (đất ruộng 02 công, còn lại 01 công đất nền nhà ở mặt tiền cặp với phần đất ông M đang quản lý), phần đất tặng cho ông T16 đã nhận canh tác khoảng vài chục năm. Khi ông T16 còn sống có cất nhà ở phần đất mặt tiền, sau khi ông T16 chết gia đình bà mới đi nơi khác đến nay. Phần đất ruộng ông T16 chuyển nhượng cho ông M1 01 công còn một công nửa ông T16 chuyển nhượng cho ai thì bà không biết. Việc ông T16 chuyển nhượng đất thì bà không biết.

Bà chung sống với ông T16 khoảng năm 1999 hay năm 2000 bà không nhớ chính xác, giữa bà và ông T16 chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, bà chung sống với ông T16 có 02 người con là Nguyễn Trung N4, Nguyễn Thị Bé T7.

Nay bà M2, anh N4, chị T7 yêu cầu Tòa án yêu cầu được công nhận phần đất này là di sản của ông T16 chết để lại diện tích 01 công (diện tích 1.296m²) đất tiếp giáp ông Nguyễn Văn M, đất tại ấp Ông B, xã K, tỉnh Cà Mau, ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Á, ông Nguyễn Văn D3 là ông Nguyễn Quang S trình bày:

Ngày 22 tháng 12 năm 2002 ông Lê Văn T và vợ là Nguyễn Thị H (con cụ L4, cụ T11) có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L5 2 công đất ruộng, diện tích 2.600 m² với giá 18 chỉ vàng 24k. Hai bên có làm giấy tay – Hợp đồng sang đất, được UBND xã K chứng thực số 42, ngày 01/04/2003. Ông L5 đã giao đủ số vàng cho vợ chồng ông T.

Ngày 22 tháng 12 năm 2002 ông Nguyễn Văn T13 và ông Nguyễn Văn L2 (con cụ L4, cụ T11) chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn L5 4,5 công đất tầm 3 mét, diện tích 5.832 m² giá 40,3 chỉ vàng 24k. Hai bên có làm giấy tay - Hợp đồng sang đất được UBND xã K chứng thực số 34, ngày 24/03/2003, ông L5 đã giao đủ số vàng cho ông T13, ông L2.

Ông L5 cùng vợ con đã quản lý sử dụng các thửa đất nói trên từ khi chuyển nhượng đến nay không có tranh chấp nào từ phía các con của ông L4.

Ông Nguyễn Văn L5 đã chết, bà Nguyễn Thị Á (là vợ ông L5) và Nguyễn Văn D3 (là con ông L5) yêu cầu công nhận cho bà Nguyễn Thị Á, anh Nguyễn Văn D3 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế tại thửa số 12 có diện tích 8.584,3m² đất tại ấp ông B, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị H2, anh Huỳnh Văn N5, anh Huỳnh Văn C2, anh Huỳnh Văn C3 và bà Huỳnh Thị D2 là ông Nguyễn Quang S trình bày:

Vào ngày 09/02/2003 âm lịch ông Nguyễn Văn T13 (con ông Nguyễn Văn L4) chuyển nhượng cho vợ chồng ông Huỳnh Thập S1 diện tích đất trồng lúa là 3.888m² giá là 25,5 chỉ vàng 24k.

Năm 2004, sau khi làm giấy tay chuyển nhượng 3.888 m² đất nói trên ông T13 còn một cái địa liền kề với khu đất này diện tích khoảng hơn 600 m² ông T13

kêu bán rẻ cho ông S1 với giá là 2 chỉ vàng 24k. Ông S1 đồng ý mua, hai bên đã giao đất và nhận vàng (Hợp đồng miệng, không làm giấy tờ gì).

Tất cả diện tích đất nói trên ông Huỳnh Thật S1 cùng vợ con quản lý sử dụng cho đến nay là hơn 21 năm. Trong quá trình quản lý sử dụng không có bất kỳ một tranh chấp nào từ phía gia đình ông T13 cũng như anh, chị, em ruột của ông T13.

Ông Huỳnh Thật S1 đã chết, bà Lê Thị H2, anh Huỳnh Văn N5, anh Huỳnh Văn C2, anh Huỳnh Văn C3 và bà Huỳnh Thị D2 (vợ con của ông sự) yêu cầu công nhận cho bà Lê Thị H2, anh Huỳnh Văn N5, anh Huỳnh Văn C2, anh Huỳnh Văn C3 và bà Huỳnh Thị D2 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế tại thửa số 11 có diện tích 4.041,4m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M1 trình bày:

Ngày 21/7/1996 ông chuyển nhượng của ông Nguyễn Trung T16 phần đất có diện tích 01 công tầm lớn, giá chuyển nhượng 08 chỉ vàng 24k. Tháng 2/1997 ông chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn D1 phần đất có diện tích 01 công đất tầm lớn, giá chuyển nhượng 05 chỉ vàng 24k. Cùng năm 1997 chuyển nhượng của ông Nguyễn Trung T16 diện tích 01 công tầm lớn, giá chuyển nhượng 05 chỉ vàng 24k, đất tọa lạc tại ấp Ông B, xã K, tỉnh Cà Mau. Từ khi chuyển nhượng đến nay ông quản lý, sử dụng không có bất kỳ tranh chấp nào với các con của cụ L4, cụ thiết.

Nay ông yêu cầu Tòa án công nhận cho ông được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 4.074,5m² (thửa số 14), đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị N6 trình bày: Bà Thông nhất ý kiến trình bày của ông Nguyễn Văn M1 (chồng bà) không có ý kiến trình bày bổ sung, do điều kiện đi lại khó khăn bà đề nghị Tòa án tiến hành vắng mặt ở các phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm nếu có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C1 trình bày:

Năm 2015 vợ chồng ông (vợ Trần Thị T10) nhận sang nhượng phần đất vườn của gia đình bà Đinh Thị X diện tích 3.187 m², tọa lạc tại ấp Ô, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau giá chuyển nhượng là 2,95 cây vàng 24k, ông đã trả đủ vàng cho gia đình bà X và tiếp quản đất sử dụng từ năm 2015 cho đến nay, không tranh chấp với ai. Phần đất trên có nguồn gốc từ cụ Nguyễn Văn L4 cho ông Nguyễn Văn T13 (ông T13 là con cụ L4) khi chuyển nhượng anh em ông T13 đều thừa nhận phần đất bà X chuyển nhượng là của ông T13 được cụ L4 tặng cho. Sau khi chuyển nhượng của gia đình bà X, ông sau đó chuyển nhượng lại một phần cho ông Nguyễn Văn Đ3 để làm đường nước.

Ông yêu cầu công nhận cho ông được quyền quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế tại thửa số 6 diện tích 2.672m² tọa lạc tại ấp Ông B, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T10 thống nhất ý kiến trình bày của ông C1 không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng Đ trình bày:

Vào ngày 13 tháng 05 năm 2015 ông có chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lê Văn C, bà Châu Bích T8 phần đất có diện tích 1.130m² giá chuyển nhượng 26 chỉ vàng 24k, vị trí đất nằm ở ấp Ô B, xã K, tỉnh Cà Mau, cũng vào ngày 13 tháng 05 năm 2015 ông có nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn C1 diện tích đất dài 66m ngang 12 m trị giá số tiền là 37.978.000 đồng chỉ nói miệng, từ khi chuyển nhượng đến nay ông quản lý, sử dụng không có ai tranh chấp với ông, hiện tại chưa được cấp quyền sử dụng đất.

Ông yêu cầu công nhận cho ông được quyền quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 9 diện tích 1.667,6m² và thửa số 5 diện tích 214,6m² tổng diện tích 1.891,2m² đất tại ấp Ô B, xã K, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Lê Văn C là ông Lê Văn T trình bày:

Năm 2011 ông C có nhận chuyển nhượng của gia đình anh Nguyễn Tấn T2 phần đất diện tích 01 công tằm lớn, giá chuyển nhượng 02 lượng vàng 24k. Năm 2012 ông C chuyển nhượng của ông Nguyễn Trung T17 diện tích 2 công 01 góc tư tằm lớn, giá chuyển nhượng 3,5 lượng vàng 24k.

Tháng 10/2012 nhà nước thu hồi phần đất ông nhận chuyển nhượng diện tích 1.189,7m² của ông C, sau đó ông C có chuyển nhượng lại cho ông Đ phần đất có diện tích 1.130m² giá chuyển nhượng 2,6 lượng vàng 24k, từ khi chuyển nhượng đến nay quản lý, sử dụng không ai có tranh chấp và hiện tại ông C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên phần đất chuyển nhượng ông C có xây cất căn nhà có kết cấu bán cơ bản, hiện tại cùng vợ con đang quản lý, sử dụng (vợ Châu Bích T8, con Lê Chí T9).

Nay ông C yêu cầu công nhận cho ông C được quyền quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 7 diện tích 1.335,2m² đất tại ấp Ô B, xã K, tỉnh Cà Mau.

Chị Nguyễn Kim T5, chị Nguyễn Kim N3 và bà Nguyễn Tuyết N2 cùng trình bày:

Trong vụ án tranh chấp chia thừa kế giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Văn M không có liên quan cũng không có yêu cầu gì, đề nghị Toà án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt và xét xử vắng mặt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung K1 trình bày:

Theo ông biết nguồn gốc phần đất tranh chấp hiện tại là của ông bà nội ông khi còn sống tặng cho ông M hiện tại ông M đang quản lý, sử dụng và tặng cho ông L2 hiện tại ông L2 đang quản lý, sử dụng đối với phần đất nhà thờ ông bà chưa cho ai, để thờ cúng ông bà con cháu ai cũng có quyền đến thắp hương ông bà, trong vụ án này ông không có yêu cầu chia thừa kế và có ý kiến đối với phần đất nhà thờ không ai được phân chia, để thờ cúng ông bà, do điều kiện đi lại khó khăn bà đề nghị Toà án tiến hành vắng mặt ở các phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm nếu có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị V1 trình bày:

Trước đây bà sống với ông Nguyễn Văn D1 từ năm 1975 bà đã ly hôn với ông D1 năm 1986 sau đó bà chung sống lại với ông D1 năm 1995 một thời gian thì không còn sống chung. Bà và ông D1 có năm người con chung là Nguyễn Trung K, Nguyễn Trung K1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Chí T3 và Nguyễn Thanh T4. Bà hiểu biết sự việc như sau: Lúc cha mẹ chồng bà còn sống có phân chia đất cho các con, đối với phần đất ông M đang quản lý, sử dụng là do cha mẹ chồng bà cho ông M, phần đất ông L2 đang ở cũng do cha mẹ chồng bà cho khi còn sống, phần đất ông D1 ở trước khi chết là cha mẹ chồng bà không cho ai vì cất nhà từ đường để thờ cúng ông bà. Trước đây cha mẹ chồng bà có cho ông T13 phần đất lá (đất rẫy) 05 công còn 05 công là để thờ cúng ông bà nhưng sau đó con ông T13 đã chuyển nhượng hết 10 công đất lá, cha mẹ chồng sinh thời có hai phần đất là đất lá và đất ruộng, đất vườn riêng biệt, trong vụ án này bà không có yêu cầu gì.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Công nhận cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế tại thửa số 3 (CLN) diện tích 353,2m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn M. Công nhận cho ông Nguyễn Văn M được quyền quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế tại thửa số 1 (CLN) diện tích 962,9m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L2 bà Lê Thị H2, anh Huỳnh Văn N5, anh Huỳnh Văn C2, anh Huỳnh Văn C3 và chị Huỳnh Thị D2; bà Nguyễn Thị Á, anh Nguyễn Văn D3; ông Nguyễn Hoàng Đ; ông Nguyễn Văn M1; ông Lê Văn C; ông Huỳnh Văn C1.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn L2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế tại thửa số 4 (CLN) diện tích 346,8m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị Á, anh Nguyễn Văn D3 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 12 (LUC) diện tích 8.584,3m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho bà Lê Thị H2, anh Huỳnh Văn N5, anh Huỳnh Văn C2, anh Huỳnh Văn C3 và chị Huỳnh Thị D2 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 11 (LUC) có diện tích 4.041,4m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn C5 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 7 (CLN) có diện tích 1.313,95m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho ông Huỳnh Văn C1 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 6 (CLN) có diện tích 2.672,5m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn M1 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 14 (LUC) có diện tích 4.074,5m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn Đ3 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 5 (CLN) có diện tích 214,6m² và thửa số 9 (CLN) có diện tích 1.676,6m², tổng diện tích 1.891,2m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đinh Thị X, anh Nguyễn Tấn T2, anh Nguyễn Tấn T1 về việc yêu cầu được nhận phần đất tại các thửa số 1 (962,9m²), 3 (353,2m²), 4 (346,8m²), 5 (214,6m²) và yêu cầu các phần đất các con của cụ L4, cụ T11 được tặng cho khi còn sống đã chuyển nhượng dư giao trả lại cho đủ diện tích 4.465,8m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Dương Thị M2, anh Nguyễn Trung N4, chị Nguyễn Thị Bé T7 về việc yêu cầu được nhận phần đất 01 công đất vườn (tương đương 1.296m²) đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Đối với phần đất khu mộ tại thửa số 8 diện tích 253,1m² và đường đi vào khu mộ ngang 1m (diện tích 22,25m²) ông Nguyễn Văn L2 được quyền trông coi, quản lý không được ngăn cản anh em, con cháu trong thân tộc đến thăm viếng ông bà.

Các đương sự được quyền liên hệ Cơ quan quản lý đất đai để được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định.

(Kèm theo Mạnh vẽ hiện trạng (bổ sung) ngày 14/8/2025 của Công ty TNHH MTV T19)

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2025, anh Nguyễn Tấn T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau theo hướng yêu cầu được nhận phần đất tại các thửa số 1 (962,9m²), 3 (353,2m²), 4 (346,8m²), 5 (214,6m²) và yêu cầu các phần đất các con của cụ L4, cụ T11 được tặng cho khi còn sống đã chuyển nhượng dư giao trả lại cho đủ diện tích 4.465,8m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn T2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến

phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Tấn T2 nộp trong thời hạn luật định, đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Văn T, ông Lê Văn Ú, anh Nguyễn Tấn T2, ông Nguyễn Quang S, ông Nguyễn Văn M1, ông Huỳnh Văn C1, ông Hồ Văn H3 có mặt, các đương sự khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Tấn T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau theo hướng yêu cầu được nhận phần đất tại các thửa số 1 (962,9m²), 3 (353,2m²), 4 (346,8m²), 5 (214,6m²) và yêu cầu các phần đất các con của cụ L4, cụ T11 được tặng cho khi còn sống đã chuyển nhượng dư giao trả lại cho đủ diện tích 4.465,8m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Xét về hàng thừa kế của cụ L4, cụ T11: cụ L4 và cụ T11 có 10 người con: Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn L2, ông Nguyễn Văn D1 (chết năm 2025), ông Nguyễn Văn T13 (chết năm 2008), ông Nguyễn Văn T14 (chết 2018), ông Nguyễn Văn T15 (chết 2017), ông Nguyễn Văn L1 (chết 2023), ông Nguyễn Văn Đ4 (chết lúc 23 tuổi, không vợ con), ông Nguyễn Văn T18 (chết còn nhỏ).

2.2. Xét di sản tranh chấp: Ngày 26/11/1997 cụ T11 và cụ L4 có lập di chúc để phân chia đất cho các con “Biên bản hợp gia đình vì chúc lại” được các con của cụ T11, cụ L4 thừa nhận đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại tờ di chúc nêu trên không nói rõ cụ T11, cụ L4 có tổng cộng diện tích đất bao nhiêu và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa, ở thửa đất nào, vị trí đất tại đâu. Đến ngày 12/4/2002, cụ Nguyễn Văn L4 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/4/2002 diện tích 43.270m² tại các thửa đất 395, 388, 406 tờ bản đồ số 02 đất tại ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Ông B, xã K, tỉnh Cà Mau), tuy nhiên theo đo đạc thực tế diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ L4, cụ T11 chỉ tương đương 31.522,4m² (có diện tích nhà nước thu hồi xây dựng Hệ thống thủy lợi tiêu vàng III – Bắc C diện tích 1.189,7m²).

Sau khi được cha mẹ phân chia đất thì thực tế các con của cụ L4 cũng đã quản lý sử dụng và chuyển nhượng lại cho nhiều người cụ thể:

Năm 1996, ông T14 chuyển nhượng cho ông M1 diện tích 1 công đất ruộng; năm 1997 ông D1 chuyển nhượng cho ông M1 01 công ruộng, ông T14 chuyển nhượng cho ông M1 01 công đất ruộng.

Năm 2003, ông T13 chuyển nhượng lại cho ông S1 (chồng bà H2) 3 công ruộng và địa khoảng 600m².

Năm 2002, ông T, bà H chuyển nhượng cho ông L5 (chồng bà A) 02 công ruộng và trong năm 2002 thì ông T13 và ông L2 chuyển nhượng cho ông L5 4,5 công đất ruộng (trong đó ông T13 chuyển nhượng 2,5 công, ông L2 chuyển nhượng 2 công).

Năm 2011, bà X, anh T2 và anh T1 (vợ con ông T13) chuyển nhượng cho ông C5 1 công đất vườn (ngang 18m x dài 72m); năm 2012 thì ông T15 chuyển nhượng cho ông C5 tổng diện tích vườn và ruộng (2.942m²).

Năm 2015, thì bà X, anh T2 và anh T1 (vợ con ông T13) chuyển nhượng cho ông C1 diện tích 3.187m² đất vườn.

Các đương sự thống nhất xác định hiện tại di sản của cụ T11, cụ L4 để lại tổng diện tích 1.916m² (thửa số 1 diện tích 962,9m²; thửa số 3 diện tích 353,2m²; thửa số 4 diện tích 346,8m² và thửa số 8 diện tích 253,1m² là đất khu mộ), đối với phần đất khu mộ các đương sự không yêu cầu chia, để lại làm nơi an nghỉ của ông bà.

Bà X, anh T2 và anh T1 yêu cầu được nhận phần đất tại các thửa số 1 (962,9m²), 3 (353,2m²), 4 (346,8m²), 5 (214,6m²) và các phần đất con của cụ L4, cụ T11 được tặng cho khi còn sống đã chuyển nhượng dư giao trả lại cho đủ diện tích 4.465,8m². Thấy rằng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ L4 năm 2002 diện tích 43.270m² (cấp theo bản đồ 299) nhưng đo đạc thực tế là 31.522,4m² (có diện tích nhà nước thu hồi xây dựng Hệ thống thủy lợi tiêu vàng III – Bắc C diện tích 1.189,7m²) là ít hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong phần đất qua đo đạc thực tế là 31.522,4m² thì gia đình ông T13 đã chuyển nhượng cho người khác hơn 09 công đất (tương đương 11.664m²) và hiện đang quản lý diện tích 5.817,6m² (thửa số 580). Trong khi đó, ông M được chia 2 công đất ruộng và 02 công đất vườn, tuy nhiên hiện tại nếu tổng tính cả luôn khu mộ thân tộc ông M chỉ quản lý sử dụng diện tích 1.916m², ít hơn rất nhiều so với phần đất được chia. Từ đó cho thấy diện tích đất thực tế của cụ T11, cụ L4 để phân chia cho những người con ít hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình anh T2 cho rằng theo di chúc còn thiếu diện tích đất được cho là 4.465,8m² nhưng như đã phân tích diện tích đo đạc thực tế ít hơn diện tích cụ L4, cụ T11 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt khác thời điểm các anh em của ông T13 còn sống thì không ai có ý kiến về việc cha mẹ phân chia đất cho các con, ông T13 cũng không có ý kiến cho rằng diện tích đất ông cho ít hơn di chúc và cũng không có ý kiến về việc ông M, ông L2 xây dựng nhà ở kiên cố trên phần đất đang tranh chấp. Do đó, gia đình anh T2, bà X và anh T1 căn cứ vào diện tích đất cấp quyền sử dụng cho cụ L4 năm 2002 và căn cứ vào di chúc năm 1997 yêu cầu nhận thêm quyền sử dụng đất là không có căn cứ.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T2; Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát

viên; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Anh T2 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tấn T2 về việc yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2025/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau.

Căn cứ khoản 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 116, Điều 624, Điều 643, Điều 651 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Công nhận cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế tại thửa số 3 (CLN) diện tích 353,2m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn M. Công nhận cho ông Nguyễn Văn M được quyền quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế tại thửa số 1 (CLN) diện tích 962,9m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn L2; bà Lê Thị H2, anh Huỳnh Văn N5, anh Huỳnh Văn C2, anh Huỳnh Văn C3 và chị Huỳnh Thị D2; bà Nguyễn Thị Á, anh Nguyễn Văn D3; ông Nguyễn Hoàng Đ; ông Nguyễn Văn M1; ông Lê Văn C; ông Huỳnh Văn C1.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn L2 được quyền quản lý, sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế tại thửa số 4 (CLN) diện tích 346,8m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị Á, anh Nguyễn Văn D3 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 12 (LUC) diện tích 8.584,3m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho bà Lê Thị H2, anh Huỳnh Văn N5, anh Huỳnh Văn C2, anh Huỳnh Văn C3 và chị Huỳnh Thị D2 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo

đo đạc thực tế thửa số 11 (LUC) có diện tích 4.041,4m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn C5 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 7 (CLN) có diện tích 1.313,95m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho ông Huỳnh Văn C1 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 6 (CLN) có diện tích 2.672,5m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn M1 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 14 (LUC) có diện tích 4.074,5m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn Đ3 được quyền sử dụng, quản lý phần đất theo đo đạc thực tế thửa số 5 (CLN) có diện tích 214,6m² và thửa số 9 (CLN) có diện tích 1.676,6m², tổng diện tích 1.891,2m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà B1 Đinh Thị X, anh Nguyễn Tấn T2, anh Nguyễn Tấn T1 về việc yêu cầu được nhận phần đất tại các thửa số 1 (962,9m²), 3 (353,2m²), 4 (346,8m²), 5 (214,6m²) và yêu cầu các phần đất các con của cụ L4, cụ T11 được tặng cho khi còn sống đã chuyển nhượng dư giao trả lại cho đủ diện tích 4.465,8m² đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Dương Thị M2, anh Nguyễn Trung N4, chị Nguyễn Thị Bé T7 về việc yêu cầu được nhận phần đất 01 công đất vườn (tương đương 1.296m²) đất tại ấp Ô, xã K, tỉnh Cà Mau.

Đối với phần đất khu mộ tại thửa số 8 diện tích 253,1m² và đường đi vào khu mộ ngang 1m (diện tích 22,25m²) ông Nguyễn Văn L2 được quyền trong coi, quản lý không được ngăn cản anh em, con cháu trong thân tộc đến thăm viếng ông bà.

Các đương sự được quyền liên hệ Cơ quan quản lý đất đai để được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo quy định.

(Kèm theo Mạnh vẽ hiện trạng (bổ sung) ngày 14/8/2025 của Công ty TNHH MTV T19)

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

*Chi phí đo đạc:

Chi phí đo đạc ông M đã dự nộp 02 lần (19.979.000 đồng và 3.788.000 đồng) tổng 23.767.000 đồng ông M tự nguyện chịu.

Chi phí đo đạc ông C1 dự nộp 3.460.000 đồng, bà H dự nộp 3.112.000 đồng, ông Đ3 5.410.000 đồng, bà H2 dự nộp 5.336.000 đồng, bà A dự nộp 5.336.000 đồng, ông M1 dự nộp 5.336.000 đồng, ông C5 dự nộp 5.190.000, ông L2 dự nộp 3.112.000 đồng các đương sự tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

*Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị H2, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Hoàng Đ, ông Nguyễn Văn M1 được miễn án phí; anh Huỳnh Văn N5, anh Huỳnh Văn C2, anh Huỳnh Văn C3 và chị Huỳnh Thị D2 phải chịu

300.000 đồng; anh Nguyễn Văn D3 phải chịu 300.000 đồng; ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng, ông Huỳnh Văn C1 phải chịu 300.000 đồng.

Ngày 06/01/2023 ông Nguyễn Văn M4 đã dự nộp 3.000.000 đồng biên lai thu số 0005993, ngày 10/7/2024 anh Huỳnh Văn N5, anh Huỳnh Văn C2, bà Huỳnh Thị D2, anh Huỳnh Văn C3 dự nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0005287, ngày 10/7/2024 anh Nguyễn Văn D3 dự nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0005286, ngày 01/10/2024 ông Huỳnh Văn C1 đã dự nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0005608, ngày 05/8/2024 ông Lê Văn C đã dự nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0005432 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau), ông Nguyễn Văn M4 được nhận lại án phí 3.000.000 đồng; anh Huỳnh Văn N5, anh Huỳnh Văn C2, anh Huỳnh Văn C3 và chị Huỳnh Thị D2; anh Nguyễn Văn D3; ông Lê Văn C; ông Huỳnh Văn C1 đã dự nộp được chuyển thu.

Ông Nguyễn Văn L2 phải chịu 7.282.800 đồng, ngày 04/01/2023 ông L2 đã dự nộp 3.000.000 đồng biên lai thu số 5985 chi Cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau) được đối trừ, ông L2 phải nộp tiếp 4.282.800 đồng.

Bà Đinh Thị X, anh Nguyễn Tấn T2, anh Nguyễn Tấn T1 phải chịu án phí 300.000 đồng, ngày 23/02/2024 đã dự nộp 2.232.000 đồng biên lai thu số 0004535 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau), được đối trừ nhận lại 1.932.000 đồng.

Bà Dương Thị M2, anh Nguyễn Trung N4, chị Nguyễn Thị Bé T7 phải chịu 300.000 đồng, ngày 24/7/2024 đã nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0005355 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau) được chuyển thu.

*Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Tấn T2 phải chịu 300.000 đồng. Anh T2 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011724 ngày 10/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 3-CM;
- Phòng THADS khu vực 3-CM;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương